

Bản án số: **22/2025/DS-ST**

Ngày: 20-02-2025.

Về tranh chấp Hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Đoàn Thanh Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Đinh Kim Hoàng.

2/ Bà Võ Thanh Nga.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 221/2024/TLST-DS ngày 03 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2025/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng S1.

Địa chỉ: N.36, Naking E.Road, S.3, Đ, Đài Loan, Trung Quốc.

Địa chỉ liên hệ: Tầng I và một phần Tầng A Tòa nhà F, số C L, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Lâm V, sinh năm 2000 “có mặt”.

(Giấy ủy quyền số 17/UQ-BSP.HCM.23 ngày 16 tháng 11 năm 2023).

Bị đơn: Bà Đỗ Thị N, sinh năm 1976 “vắng mặt”.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 9 Đường số A, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi làm việc cuối cùng: Tầng A Tòa nhà P, số A N, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Nguyễn Lâm V trình bày: Ngày 24/06/2022, Ngân hàng S1 và bà Đỗ Thị N ký kết Thỏa thuận cho vay cá nhân số 21283PL với nội dung chi tiết như sau: Số tiền cho vay: 450.000.000 đồng; Thời hạn cho vay: 48 tháng (từ ngày 24/6/2022 đến ngày 24/6/2026); Mục đích cho vay: Mua hàng hóa (Đồ nội thất cũ); Phương thức giải ngân: Giải ngân vào tài khoản số 070-008-0003271-2 của bà Đỗ Thị N mở tại Ngân hàng S1 – Chi nhánh Thành phố H; Lãi suất trong hạn: Cố định 13%/năm từ ngày giải ngân; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; Lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/năm.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà Đỗ Thị N đã thanh toán cho Ngân hàng S1 với số tiền tổng cộng là: 110.800.570 đồng, trong đó tiền gốc: 67.663.709 đồng, tiền lãi trong hạn: 43.050.158 đồng, tiền lãi phạt: 86.705 đồng. Sau đó, bà Đỗ Thị N không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng S1 như đã cam kết tại Thỏa thuận cho vay cá nhân số 21283PL ngày 24/06/2022. Do đó, Ngân hàng S1 đã ban hành Thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ khoản vay của Thỏa thuận cho vay cá nhân nêu trên.

Tổng nghĩa vụ nợ của bà Đỗ Thị N tại Ngân hàng S1 tạm tính đến ngày 22/10/2024 theo Thỏa thuận cho vay cá nhân số 2183PL ngày 24/06/2022 là 489.355.062 đồng, trong đó tiền gốc: 382.336.291 đồng, tiền lãi trong hạn: 28.852.811 đồng, tiền lãi quá hạn: 73.161.779 đồng, tiền lãi phạt: 5.004.182 đồng.

Ngân hàng S1 đã nhiều lần nhắc nợ nhưng đến nay bà Đỗ Thị N vẫn không thanh toán nợ cho Ngân hàng S1. Do đó, Ngân hàng S1 đề nghị Tòa án tuyên buộc bà Đỗ Thị N phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng S1 tổng số nợ còn thiếu tạm tính đến ngày 20/02/2025 là 516.259.956 đồng, trong đó nợ gốc là 382.336.291 đồng, nợ lãi là 133.923.665 đồng. Ngoài ra, bà Đỗ Thị N còn phải có trách nhiệm tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Thỏa thuận cho vay cá nhân số 2183PL ngày 24/6/2022 kể từ ngày 21/02/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ.

Bị đơn bà Đỗ Thị N mặc dù đã được Tòa án tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên không có lời khai tại tòa. Cụ thể Tòa án đã tổng đạt các văn bản sau đây: Ngày 03/10/2024, Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh đã ra thông báo thụ lý số 221/TB-TLVA và đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý này cho bà Đỗ Thị N nhưng sau 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo thụ lý bà Đỗ Thị N vẫn không có ý kiến gì. Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà Đỗ Thị N đến Tòa án để lấy lời khai, triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà Đỗ Thị N đều vắng mặt không có lý do. Do đó trong hồ sơ vụ án không có lời trình bày của bị đơn.

Tại phiên tòa,

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Nguyễn Lâm V trình bày: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là buộc bà Đỗ Thị N phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng S1 số tiền nợ gốc và nợ lãi tạm tính đến ngày 20/02/2025 là 516.259.956 đồng, trong đó nợ gốc là 382.336.291 đồng, nợ lãi là 133.923.665 đồng. Ngoài ra, bà Đỗ Thị N còn phải có trách nhiệm tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Thỏa thuận cho vay cá nhân số 2183PL

ngày 24/6/2022 kể từ ngày 21/02/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ. Thanh toán ngay khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Căn cứ Công văn số 34/2024/CV-PHL ngày 14/05/2024 của Công ty Cổ phần B về việc phúc đáp Công văn số 1768/TAQBT ngày 22/04/2024 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện bà Đỗ Thị N là nhân viên của Công ty Cổ phần B và đang làm việc tại Văn phòng H1, địa chỉ: Tầng A, Tòa nhà P, số A N, Phường A (nay là Phường A), Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ Công văn số 340/2024/PHL-CV ngày 26/11/2024 của Công ty Cổ phần B về việc cung cấp thông tin theo yêu cầu tại Quyết định số 1091/2024/QĐ-CCTLCC của Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện bà Đỗ Thị N đã nộp đơn xin nghỉ việc, ngày làm việc cuối cùng của bà Đỗ Thị N là ngày 26/11/2024. Do đó, nguyên đơn xác định nơi làm việc cuối cùng của bà Đỗ Thị N1 là tại địa chỉ Tầng A, Tòa nhà P, số A N, Phường A (nay là Phường A), Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là địa chỉ cuối cùng mà Ngân hàng S1 được biết. Do đó, Ngân hàng S1 lựa chọn Tòa án nơi làm việc cuối cùng của bị đơn để giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 5 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Bị đơn bà Đỗ Thị N vắng mặt nên không có lời trình bày tại tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử thì Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của Thẩm phán theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ việc cấp, tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự đúng theo quy định tại các Điều 170, Điều 171 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; thực hiện đúng về thời hạn đưa vụ án ra xét xử theo điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự được tiến hành theo đúng quy định tại Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc gửi hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu theo đúng quy định tại Điều 220; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ nguyên tắc xét xử về phiên tòa sơ thẩm được quy định tại Điều 222, Điều 223 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ Thỏa thuận cho vay cá nhân số 21283PL ngày 24/06/2022 giữa Ngân hàng S1 và bà Đỗ Thị N thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

1.1. Về quan hệ tranh chấp:

Xét, Ngân hàng S1 khởi kiện yêu cầu bà Đỗ Thị N thanh toán số tiền còn thiếu của Thỏa thuận cho vay cá nhân số 21283PL ngày 24/06/2022. Như vậy, có cơ

sở xác định đây là tranh chấp về Hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017.

1.2. Về thủ tục tố tụng:

Căn cứ kết quả xác minh của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tại Công an Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh có nội dung thể hiện “Đương sự Đỗ Thị N, sinh năm 1976, có đăng ký tại 9 Đường số A, khu phố I, phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh là nơi đăng ký thường trú nhưng hiện nay không còn thực tế cư trú tại địa chỉ trên, đương sự bán nhà từ cuối năm 2022, đi đâu không rõ địa chỉ”.

Căn cứ kết quả xác minh của Công ty Cổ phần B ngày 14/05/2024 có nội dung thể hiện “Bà Đỗ Thị N, sinh ngày 20/02/1976 là nhân viên đang làm việc tại công ty. Bà Đỗ Thị N và công ty có ký kết hợp đồng lao động. Hiện tại, bà Đỗ Thị N đang làm việc tại Văn phòng H1, địa chỉ: Tầng A, Tòa nhà P, số A N, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh”.

Căn cứ Công văn số 340/2024/PHL-CV ngày 26/11/2024 của Công ty Cổ phần B có nội dung thể hiện bà Đỗ Thị N đã nộp đơn xin nghỉ việc, ngày làm việc cuối cùng của bà Đỗ Thị N là ngày 26/11/2024.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn cố tình giấu địa chỉ không báo cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú, làm cho người khởi kiện không biết được nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện như quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm a khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1.3. Về thủ tục mở phiên tòa vắng mặt đương sự:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện được việc tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Đỗ Thị N nhưng bà không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án và cũng không nộp bất cứ tài liệu chứng cứ nào liên quan đến vụ án. Tại phiên tòa, bị đơn Đỗ Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Đỗ Thị N.

Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc. Bị đơn đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa án tham gia tố tụng nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định pháp luật.

[2]. Về pháp luật nội dung:

2.1. Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S1 về việc yêu cầu bà Đỗ Thị N phải thanh toán số tiền nợ gốc là 382.336.291 đồng:

Xét, nguyên đơn được phép hoạt động trong lĩnh vực tín dụng theo Giấy phép kinh doanh ngân hàng đã được Chứng nhận hợp pháp hóa lãnh sự tại Đ ngày 07/06/2023 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp 0303327614 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H cấp. Thỏa thuận cho vay cá nhân được giao kết giữa hai bên đương sự có hình thức, nội dung không trái pháp luật, không trái đạo đức nên có giá trị pháp lý ràng buộc quyền, nghĩa vụ giữa các bên.

Xét, Thỏa thuận cho vay cá nhân số 21283PL ngày 24/06/2022 giữa Ngân hàng S1 và bà Đỗ Thị N có đủ cơ sở để xác định: Bà Đỗ Thị N vay của Ngân hàng S1 số tiền 450.000.000 đồng; thời hạn cho vay: 48 tháng (từ ngày 24/6/2022 đến ngày 24/6/2026); mục đích cho vay: Mua hàng hóa (Đồ nội thất cũ); phương thức giải ngân: Giải ngân vào tài khoản số 070-008-0003271-2 của bà Đỗ Thị N mở tại Ngân hàng S1 – Chi nhánh Thành phố H; lãi suất trong hạn: Cố định 13%/năm từ ngày giải ngân; lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/năm. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Đỗ Thị N đã thanh toán cho Ngân hàng S1 với số tiền tổng cộng là: 110.800.570 đồng, trong đó tiền gốc: 67.663.709 đồng, tiền lãi trong hạn: 43.050.158 đồng, tiền lãi phạt: 86.705 đồng. Sau đó, bà Đỗ Thị N không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng S1 như đã cam kết tại Thỏa thuận cho vay cá nhân số 21283PL ngày 24/06/2022.

Căn cứ Thông báo số 28/TB-BSP.23 ngày 19/10/2023 của Ngân hàng S1 thì trong quá trình thực hiện hợp đồng bà Đỗ Thị N đã vi phạm Thỏa thuận cho vay cá nhân số 21283PL ngày 24/06/2022 nên nguyên đơn quyết định chấm dứt cho vay và thu hồi trước hạn đối với khoản vay số 21283PL kể từ ngày 19/10/2023.

Xét, căn cứ tiểu mục 2.2 mục 2 Phần I của Thỏa thuận cho vay cá nhân số 21283PL ngày 24/06/2022 quy định về thời hạn của khoản vay là 48 tháng, bắt đầu từ ngày 24/06/2022 đến ngày 24/06/2026. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn được quyền yêu cầu thu hồi toàn bộ dư nợ còn lại mà không phải chờ đến khi kết thúc thời hạn vay là phù hợp với quy định tại Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng đã được sửa đổi, bổ sung năm 2010, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2011.

Như đã phân tích, bị đơn bà Đỗ Thị N không đến Tòa án trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu chứng cứ nên được xác định là tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình nên phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận các tài liệu chứng cứ, lời khai của nguyên đơn để làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án.

Căn cứ khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật tổ chức tín dụng, Điều 280, khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán số nợ gốc là 382.336.291 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.2. Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S1 về việc yêu cầu bà Đỗ Thị N phải thanh toán số tiền nợ lãi là 133.923.665 đồng:

Căn cứ mục 3 Phần I, mục 1, mục 2, mục 3 của Thỏa thuận cho vay cá nhân số 21283PL ngày 24/06/2022 giữa Ngân hàng S1 và bà Đỗ Thị N thì: Lãi suất cố định là 13%/năm từ ngày giải ngân. Lãi của khoản vay được cộng dồn hàng ngày và sẽ được tính trên cơ sở một năm (bao gồm cả năm nhuận) là 365 ngày. Số tiền lãi sẽ

là số dư cuối kỳ của khoản vay tại mỗi ngày nhân với lãi suất theo năm và cho cho 365. Lãi phải trả hàng tháng là số tiền được tính dựa trên công thức theo số dư nợ còn lại của khoản vay như sau: Tiền lãi phải trả = Số dư của dư nợ còn lại của khoản vay x lãi suất dựa trên khoản vay x số ngày vay thực tế/365.

Căn cứ quy định tại tiểu mục 17.10 mục 17 Phần II của Thỏa thuận cho vay cá nhân số 21283PL ngày 24/06/2022, nguyên đơn có quyền chuyển nợ quá hạn đối với số dư nợ gốc tại ngày đến hạn đối với số dư nợ gốc đến hạn nhưng chưa trả được. Lãi quá hạn cho số ngày quá hạn sẽ được tính bằng 150% của lãi suất ban đầu theo công thức như sau: Số nợ gốc quá hạn x lãi suất dựa trên khoản vay gốc x 150% : 365.

Xét, đây là tranh chấp giữa cá nhân với tổ chức tín dụng nên Tòa án áp dụng lãi suất do các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng để giải quyết. Căn cứ vào sự thỏa thuận của hai bên đương sự được ghi nhận tại Thỏa thuận cho vay cá nhân số 21283PL ngày 24/06/2022 thì bà Đỗ Thị N phải có trách nhiệm thanh toán nợ lãi tạm tính đến ngày 20/02/2025 là 133.923.665 đồng. Ngoài ra, bà Đỗ Thị N còn phải có trách nhiệm tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 21/02/2025 cho đến khi trả xong nợ theo mức lãi suất được thỏa thuận tại hợp đồng đã ký kết. Như vậy, yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.3. Về thời hạn thanh toán:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở khẳng định: Bà Đỗ Thị N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán của hợp đồng tín dụng và nguyên đơn cũng đã nhắc nhở nhiều lần nhưng bị đơn vẫn cố tình tránh né thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

Tại Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015, có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2017 quy định về thực hiện nghĩa vụ trả tiền như sau: *“Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận”*. Xét thấy, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở khẳng định mặc dù đã được nguyên đơn đôn đốc, nhắc nhở nhiều lần nhưng bị đơn vẫn cố tình né tránh thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số nợ còn thiếu ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn; Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Luật phí và lệ phí.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 21, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a khoản 1 Điều 40, Điều 91, Điều 147, Điều 203, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273 và Điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự có hiệu lực thi hành ngày 01/7/2016;

- Căn cứ vào Điều 280, Điều 357, Điều 429, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2017;

- Căn cứ vào Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2011;

- Căn cứ vào Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

- Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2015.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Chấm dứt trước hạn Thỏa thuận cho vay cá nhân số 21283PL ngày 24/06/2022 được ký kết giữa Ngân hàng S1 và bà Đỗ Thị N.

Buộc bà Đỗ Thị N có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng S1 số tiền nợ tạm tính đến ngày 20/02/2025 tổng cộng là 516.259.956 đồng (năm trăm mười sáu triệu hai trăm năm mươi chín nghìn chín trăm năm mươi sáu đồng), trong đó nợ gốc là 382.336.291 đồng, nợ lãi là 133.923.665 đồng.

Thanh toán ngay khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 21/02/2025 cho đến khi thi hành xong các khoản tiền nêu trên, hàng tháng bà Đỗ Thị N còn phải có trách nhiệm trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất nợ quá hạn được quy định tại Thỏa thuận cho vay cá nhân số 21283PL ngày 24/06/2022 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Đỗ Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 24.650.398 đồng (hai mươi bốn triệu sáu trăm năm mươi nghìn ba trăm chín mươi tám đồng).

- H lại số tiền tạm ứng án phí là 10.305.511 đồng (mười triệu ba trăm lẻ năm nghìn năm trăm mười một đồng) cho Ngân hàng S1 đã nộp theo biên lai số AA/2023/0027082 ngày 12/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo của các đương sự:

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP. HCM;
- VKSND Quận 4;
- Chi cục THADS Quận 4;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Đoàn Thanh Trúc